TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1M** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HS-ST
Ngày 19-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT N1M

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dần – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Tuấn E,** sinh năm 1975 tại Cà Mau; Tên gọi khác: TM; Nơi Đ1 ký nhân khẩu thường trú: khóm A, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: khóm A thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm biển; Quốc tịch: Việt N1m; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn P, 74 tuổi (chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948; Anh, chị, em ruột: có 8 người; Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; Con: 02 người; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 18/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh tại ngoại đến nay; có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Tuấn N,** sinh năm 1989 tại Cà Mau; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: khóm B, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm biển; Quốc tịch: Việt N1m; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Nguyễn Văn P, 74 tuổi (chết) và bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1948; Anh, chị, em ruột: 08 người; Vợ: Nguyễn Hồng R, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 18/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh tại ngoại đến nay; có mặt.

3/ Họ và tên: **Trần N1**, sinh năm 1988 tại Sóc Trăng; Tên gọi khác: Đ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp ĐB, xã LH, huyện VC, tỉnh Sốc Trăng; Chỗ ở: khóm B, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm biển; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Giáo phật khmer; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: Trần K (chết) và bà Lâm Thị K, sinh năm 1951; Anh, chị, em ruột: 06 người; Vợ: Thạch Thị L, sinh năm 1987; Con: Có 3 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 24/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh tại ngoại đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Nguyễn Văn L (Phi L), sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GCĐ, xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

+ Lê Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi N vụ liên quan:*

+ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

+ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

+ Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TTA, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

- *Người làm chứng*: Nguyễn Bình T2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp SL, xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12 tháng 03 năm 2018, Nguyễn Tuấn E thuê vỏ máy của Nguyễn Hải Đ1 đi ra vùng biển MB mua sò giống, khi đi có Nguyễn Tuấn N, Trần N1, tất cả đi ra cửa biển Sông Đốc.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày vỏ của Tuấn E tới bãi biển ngang hàng cây dương thuộc ấp MB, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Tuấn E phát hiện có nhiều vỏ cào sò bỏ chạy về hướng vàm MB, huyện PT, Tuấn E kêu Đ1 điều khiển vỏ

đuổi theo được khoảng hơn 1km, vỏ Tuấn E đuổi kịp vỏ của anh Nguyễn Văn T, Tuấn E cầm 1 miếng ván loại làm ghế ngồi trên vỏ đưa lên đe dọa, kêu T phải quay vỏ lại miểu bà, với mục đích buộc T phải bán sò cho Tuấn E, T điều khiển quay vỏ lại. Tuấn E tiếp tục kêu Đ1 điều khiển vỏ rượt đuổi cặp vào vỏ của anh Nguyễn Văn L, Tuấn E cầm miếng ván đập vào vỏ của L và chửi thề "Đ.M" sao mày bỏ chạy, rồi kêu L và Lê Văn H cùng với người tên Oanh quay vỏ lại, cặp vào bờ cùng với vỏ của T, vỏ của Tuấn E đậu ngang bên ngoài, các vỏ của những người cào sò đậu bên trong. Tuấn E kêu N và Trần N1 ở lại canh chừng và mua sò, còn Tuấn E qua giang vỏ của người khác không rõ địa chỉ vào bờ trước.

N và N1 ở lại lên bờ giăng võng nằm canh chừng chờ anh T, anh L, anh H, Oanh làm sò xong. N1 trực tiếp xE sò của anh T được khoảng 250 gram đến 300 gram, loại sò 150 đến 200 vạn con/1kg, sò của anh L được khoảng 250 gram đến 300 gram, loại sò 150 đến 200 vạn con/1kg, N1 ra giá mỗi người 300.000 đồng, còn lại sò của anh H được khoảng 550 gram loại sò 150 đến 200 vạn con/1kg, N1 ra giá 450.000 đồng, anh H xin thêm 50.000 đồng, N1 đồng ý. Riêng sò của người có tên O không xác định trọng lượng bao nhiêu, sau đó T, H, L, O không dám nói gì, vì sợ nhóm của Tuấn đánh và không cho cào sò tại cửa biển Sông Đốc, nên tất cả đồng ý bán sò, N trực tiếp trả tiền xong, N1 và N lấy sò của từng người đổ vào túi lưới, rồi chạy vỏ về đưa đi bán chia nhau chi xài, nhưng không nhớ mỗi người được bao nhiêu tiền, sau đó bị Công an phát hiện và các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá số 34 ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá UBND huyện Trần Văn Thời kết luận: 1,05kg sò huyết giống loại từ 150 vạn con đến 200 vạn con/1kg trị giá 9.975.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn E, Nguyễn Tuấn N và Trần N1 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

**** Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Sau khi phân tích tính chất nội dung của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Tuấn E từ 01 năm đến 02 năm tù; phạt bị cáo Nguyễn Tuấn N và Trần N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự các bị cáo nộp khắc phục 15.000.000 đồng, bị hại anh H đã nhận 5.225.000 đồng, anh T đã nhận số tiền 2.075.000 đồng, còn lại anh L chưa nhận nên tịch thu sung quỹ Nhà nước và hoàn trả lại cho chị Đ 5.500.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1 miếng ván bằng gổ dài 1,1 mét chiều ngang 0,38 cm, dày 0,02 cm 2 đầu sơn màu đỏ.

* Các bị cáo Tuấn E, Tuấn N và Trần N1 xác định nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng hành vi phạm tội, không oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Bà Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã nộp khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với Kết luận về việc định giá tài sản số 34 ngày 15/6/2018, Cơ quan điều tra chưa ban hành thông báo kết luận định giá tài sản cho các bị cáo, bị hại biết kết quả là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cũng như tại phiên tòa các bị cáo thống nhất với Kết luận về việc định giá tài sản ngày 15/6/2018 là đúng, không đề nghị định giá lại và bị hại cũng không có ý kiến khiếu nại. Điều này cho thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy vào khoảng 11 giờ ngày 12 tháng 03 năm 2018, Nguyễn Tuấn E, Nguyễn Tuấn N, Trần N1 thuê phương tiện vỏ máy của Nguyễn Hải Đ1 đến địa bàn ấp MB, xã PĐ, huyện TVT đe dọa dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần nhằm ép buộc anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn L, anh Lê Văn H sợ và bán cho các bị cáo giá rẽ của 1,05kg sò huyết giống với giá 1.100.000 đồng, nhưng thực tế qua định giá của 1,05kg sò huyết giống trị giá 9.975.000 đồng, các bị cáo chiếm đoạt 8.875.000 đồng.

[3] Tại phiên toà, các bị cáo E, N và N1 thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được thẩm tra tại phiên toà. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo E, N và N1 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, đúng như nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý, định đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, làm cho người bị hại sợ hải, lo âu sẽ bị gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của mình, làm mất trật tự trị an và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân tại nơi xảy ra tội phạm. Xét đây

là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công cụ thể cho từng bị cáo. Bị cáo Tuấn E tham gia vai trò là người chủ mưu, cầm đầu và là người thực hành trực tiếp đe dọa dùng vũ lực uy hiếp tinh thần đối với bị hại nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Tuấn N và Trần N1 tham gia với vai trò tích cực, trực tiếp cùng bị cáo Tuấn E đuổi theo người bị hại, giúp sức uy hiếp tinh thần và tiếp nhận tài sản chiếm đoạt của bị hại.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động người thân khắc phục toàn bộ hậu quả bồi thường cho bị hại: Trong giai đoạn điều tra, chị Nguyễn Thị Đ nộp 10.000.000 đồng khắc phục cho bị cáo E và N1, bà Nguyễn Thị T1 nộp 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị cáo N; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Đối với bị cáo N1 là người dân tộc, trình độ học vấn và am hiểu pháp luật còn hạn chế, có mẹ ruột là người có công với cách mạng và hiện N1y con bị cáo đang nhập viện điều trị bệnh phổi, tim nên cần có bị cáo chăm sóc trong thời gian nhập viện điều trị; ngoài ra trong thời gian bị tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, không cần thiết tiếp tục bắt bị cáo N1 đi chấp hành hình phạt tù là có căn cứ.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là cao so với hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thống nhất bồi thường cho anh H 5.225.000 đồng, anh T 2.075.000 đồng, anh H và anh T đã nhận xong; anh L không lại số tiền bị thiệt hại. Do đó, không tiếp tục đặt ra xE xét thiệt hại của anh H, anh T và anh L là có căn cứ. Anh L bị thiệt hại tương đương 2.500.000 đồng, đã nhận trước 300.000 đồng, còn lại anh không nhận là 2.200.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất sung vào công quỹ Nhà nước 2.200.000 đồng, số tiền còn dư lại 5.500.000 đồng thì hoàn trả lại cho chị Đ là có cơ sở, được chấp nhận.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Đ nộp 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 nộp 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Đ và bà T1 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại nên không đặt ra xE xét.

[9] Riêng người có tên O, qua điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ và cũng chưa có đơn tố cáo, Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Do đó, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khi nào có đơn tố cáo hoặc làm việc được với anh O sẽ điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp. Đối với Nguyễn Hải Đ1, quá trình điều tra chứng minh Đ1 không liên quan trong vụ án, chỉ chạy vỏ thuê không tham gia uy hiếp đối với những người cào sò, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 1 miếng ván bằng gổ dài 1,1 mét chiều ngang 0,38 cm, dày 0,02 cm 2 đầu sơn màu đỏ của Nguyễn Hải Đ1 đã qua sử dụng, anh Đ1 không nhận lại. Do đó, vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là có cơ sở.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tuấn E, Nguyễn Tuấn N và Trần N1 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn E 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 18/9/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn N 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 18/9/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần N1 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù**, được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/05/2018 đến ngày 24/9/2018, bị cáo N1 đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 1 miếng ván bằng gổ dài 1,1 mét chiều ngang 0,38 cm, dày 0,02 cm, 2 đầu sơn màu đỏ.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.200.000 đồng.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền nộp khắc phục dư bằng 5.500.000 đồng.

Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/8/2018 giữa Công an huyện Trần Văn Thời và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (BL 231).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo E, N và N1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai báo cho các bị cáo, chị Đ, bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên